

HẦU TRỜI

(2 tiết)

TẢN ĐÀ

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu được ý thức cá nhân, ý thức nghệ sĩ của Tản Đà thể hiện qua cách nhà thơ hư cấu câu chuyện "hầu Trời".

– Thấy được những nét cách tân trong nghệ thuật thơ Tản Đà và mối quan hệ giữa chúng với quan niệm mới về nghệ văn của ông.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Lí do chọn bài thơ

Nói đến Tản Đà, trước hết người ta nói đến sự nghiệp thi ca của ông. Nói đến thi ca Tản Đà, người ta hay nhắc đến các bài *Thề non nước*, *Tống biệt*. Điều này chắc có chịu ảnh hưởng cái nhìn của Hoài Thanh, Hoài Chân trong cuốn *Thi nhân Việt Nam* (1942). SGK *Văn học 11* trước đây đã chọn *Thề non nước* đưa vào chương trình học chính thức. Dĩ nhiên, sự lựa chọn này có lí do riêng, trong đó có vấn đề tính tư tưởng (*Thề non nước* thường được đánh giá là bài thơ chứa đựng lòng yêu nước, tuy là "yêu nước mờ nhạt"). Nhưng nếu nhìn sâu vào vấn đề, có thể thấy : bài *Thề non nước* vẫn còn "nặng cân" cổ điển, tuy toàn bích nhưng cái hay của nó còn chưa thoát khỏi phạm trù cái hay của văn học trung đại với những cách diễn tả đầy ước lệ ; sự réo rắt, nhịp nhàng của vần điệu, âm hưởng ; sự kì công trong cách chọn chữ,... Lần này, đưa *Hầu Trời* vào, SGK *Ngữ văn*, muốn cho HS thấy rõ những dấu hiệu mới về hình thức trong thơ của tác giả được mệnh danh là "dấu gạch nối" giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại, từ đó nắm bắt được phần nào bối cảnh văn hoá, văn học của buổi "giao thời". Cũng trên cơ sở này, có thể hình thành cho HS những ý niệm ban đầu về lịch sử phát triển của thơ ca như là lịch sử của những hình thức nghệ thuật.

b) Về văn bản bài thơ

Hầu Trời được đưa vào sách lần đầu trong tập *Còn chơi* (1921), gồm tất cả 120 câu. Trong *Tuyển tập Tản Đà*⁽¹⁾, bài thơ chỉ có 114 câu. SGK in lại bài thơ theo tài liệu này, không khôi phục sáu câu đã bị cắt.

2. Về phương pháp

Khi hướng dẫn HS đọc - hiểu, chỉ cần tập trung phân tích đoạn in chữ to (từ câu 25 đến câu 98), còn các đoạn khác chỉ đọc tham khảo. Với một số câu thơ, khổ thơ, HS chỉ cần nắm được đại ý của chúng là đủ, miễn sao cảm nhận được đúng hơi thơ, giọng thơ chung. (Xem thêm phần hướng dẫn thảo luận – trả lời các câu hỏi ở sau, vì những đặc điểm lưu ý về phương pháp đã được trình bày lồng vào trong đó).

(1) Xuân Diệu giới thiệu, Nguyễn Khắc Xương sưu tầm, chú thích và viết lời bạt (NXB Văn học, H., 1986).

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân mở đầu

– Hướng dẫn HS dựa vào phần *Tiểu dẫn* để rút ra những thông tin cơ bản về đặc điểm con người, hoạt động văn hoá, văn học phong phú của Tản Đà cùng vị trí vẻ vang của ông trong nền thi ca dân tộc. GV chốt lại những luận điểm quan trọng nhất (có thể lược ghi trên bảng).

– Có thể nói qua về đề tài của bài thơ – một đề tài không mới, từng được thể hiện trong nhiều sáng tác dân gian và văn học viết thời trung đại (nêu một vài dẫn chứng cụ thể). Chuyển ý, gợi mở : Thử xem Tản Đà "hầu Trời" trong hoàn cảnh nào, vì mục đích gì và diễn biến của sự việc ra sao, có gì đặc biệt so với những cuộc "hầu Trời" khác mà ta từng biết,...

2. Phân nội dung chính

– Cho HS đọc toàn bài thơ. Chú ý về giọng đọc : vui, hào hứng, phấn chấn ở đoạn đầu và chậm rãi, ngậm ngùi ở đoạn cuối. Chú ý đọc đúng các từ Hán Việt khó hiểu.

– Hỏi về ấn tượng nổi bật đối với bài thơ. Qua phản ứng của HS, GV phác ra hướng điều chỉnh, uốn nắn sự cảm nhận hay xác định những điểm nhấn cần thiết.

– Hướng dẫn đọc - hiểu trên cơ sở thảo luận – trả lời các câu hỏi đã nêu trong SGK.

Câu hỏi 1

Hướng dẫn HS dựa vào bố cục bài thơ để tóm tắt câu chuyện "hầu Trời" của Tản Đà. Chú ý mấy điểm :

– Lí do cùng thời điểm được "gọi lên" "hầu Trời".

– Cuộc đọc thơ đầy "đắc ý" cho Trời và chư tiên nghe giữa chốn "thiên môn đế khuyết".

– Trần tình với Trời về tình cảnh khốn khó của kẻ theo đuổi nghệ văn và thực hành "thiên lương" ở hạ giới.

– Cuộc chia tay đầy xúc động với Trời và chư tiên.

Để dắt dẫn HS đi tới nhận định khái quát về tài hư cấu của Tản Đà, cần triển khai phần gợi ý trong SGK thành các câu hỏi nhỏ, ví dụ : Có gì đáng chú ý trong cách tạo tình huống của tác giả ? Tính lô gích của hệ thống các chi tiết trong bài thơ được thể hiện như thế nào ? Đây là nét đặc sắc trong nghệ thuật dựng bối cảnh, đối thoại, miêu tả tâm lí các nhân vật,... của bài thơ ?

Tình huống truyện bắt đầu từ tiếng ngâm thơ "vang cả sông Ngân Hà" khiến Trời "mất ngủ". Rõ ràng, cái duyên được lên "hầu Trời" gắn liền với câu chuyện văn thơ, gắn liền với những phút cao hứng của nhà thơ. Chuyện bịa mười mười mà xem chừng rất tự nhiên !

Bài thơ có rất nhiều chi tiết cụ thể được xếp đặt lô gích : nằm một mình → buồn → đun nước uống → ngâm văn ; tiên xuống → nêu lí do → đưa lên trời ; được đón tiếp trọng vọng, được mời đọc thơ → chư tiên xúm vào khen ngợi, tán thưởng → Trời truyền hỏi danh tính → kể lể tình cảnh, bày tỏ nỗi lòng → Trời "đả thông" tư tưởng → lạy tạ ra về,... Dường như tác giả muốn người đọc xác nhận đây là một câu chuyện thật (một thoả thuận cần thiết để tiếp tục "trò chơi" mà cả hai bên cùng tham gia).

Nhà thơ rất khéo tả bối cảnh, từ bối cảnh thanh đạm của phòng văn nơi hạ giới tới bối cảnh rực rỡ, oai nghiêm của chốn thiên đình. Nhờ vậy, không gian của câu chuyện trở nên có nhiều tầng lớp, tương ứng với trường hoạt động của các nhân vật.

Các đoạn đối thoại và miêu tả những phản ứng tâm lí đa dạng của từng loại nhân vật được cài vào nhau thật linh hoạt, khiến người đọc có cảm tưởng mình đang tham gia thực sự vào câu chuyện, cùng nếm trải những phút "sửng lạ lùng", "đắc ý", cao hứng tột bậc của nhân vật trữ tình.

Việc hư cấu nên cả một câu chuyện trong bài thơ này có ý nghĩa cách tân nhất định. Nó như muốn đưa thơ trữ tình thoát dần nhiệm vụ tả chí nghiêm trang, khắc khổ để tiện giải bày cảm xúc phóng khoáng của con người cá nhân và xây dựng một quan hệ giao tiếp mới đối với độc giả thành thị khi đó.

Câu hỏi 2

Đây là câu hỏi đụng đến *cái lõi trữ tình* của bài thơ, giúp HS nhận ra được "cái lí" của câu chuyện "hầu Trời". Rõ ràng, chuyến "hầu Trời" bằng tưởng tượng đã giúp nhà thơ nói được nhiều điều về bản thân, về nghề văn trong những thập niên đầu của thế kỉ XX và về "sứ mệnh" xã hội mà ông tự đứng ra gánh vác.

Lưu ý HS các câu thơ mà ở đó nhà thơ hào hứng khoe cái tài của mình :

- *Văn dài hơi tốt ran cung mây !*
Trời nghe, Trời cũng lấy làm hay.
- *Văn đã giàu thay, lại lắm lối*

– *Trời lại phê cho : "Văn thật tuyệt !
Văn trần được thế chắc có ít !
Nhời văn chuốt đẹp như sao băng !
Khí văn hùng mạnh như mây chuyển !
Êm như gió thoảng, tinh như sương !
Đậm như mưa sa, lạnh như tuyết !..."*

...

Các nhà nho tài tử trước Tản Đà đều *thị tài* (cậy tài, khoe tài), nhưng chữ *tài* mà họ nói tới nhiều khi mang một nội hàm khá rộng, gắn liền với khả năng "kinh bang tế thế". Có lẽ trước Tản Đà ít ai nói trắng ra cái "hay", cái "tuyệt" của văn thơ mình như vậy, hơn nữa, lại nói trước mặt Trời (một ông Trời cũng khá bình dân !). Rõ ràng ý thức cá nhân ở nhà thơ đã phát triển rất cao và Tản Đà không hề vô lối khi tự khen mình (để cho Trời khen thì cũng là một hình thức tự khen – có ai kiểm chứng được lời của Trời nói đâu !). Nhà thơ đã thấy được "dài", "giàu", "lắm lối" là "phẩm hạnh" đặc thù của văn thời mình, bên cạnh những "phẩm hạnh" mang tính chất truyền thống như "nhời văn chuốt đẹp", "khí văn hùng mạnh", "êm", "tinh",... Tinh huống "hầu Trời" quả đã cho nhà thơ một cơ hội tuyệt vời để phô bày một cách sáng khoái tài năng của bản thân. Thật dễ thông cảm khi mọi nhân vật đều đang ở trong tình trạng cao hứng, từ nhà thơ đến chư tiên và sau hết là... Trời !

Cũng cần nói thêm : nhà thơ chỉ cao hứng như thế khi gặp được người hiểu và thông cảm (là Trời) mà thôi. Ở hạ giới dễ đâu tìm được người tri âm như vậy ! Lời Trời khen hẳn là sự thẩm định có sức nặng nhất, không thể bác bỏ, nghi ngờ. Đúng là một lối tự khẳng định rất "ngông" của vị "trích tiên" !

Trong bài thơ, Tản Đà không trực tiếp phát biểu quan niệm của mình về văn và nghệ văn. Tuy vậy, ẩn sau các câu chữ, ta vẫn thấy có một sự hình dung khác trước về hoạt động tinh thần đặc biệt này. Trong mắt Tản Đà, văn chương lúc này là một nghề kiếm sống mới, có người bán, kẻ mua, có thị trường tiêu thụ và bản thân thị trường cũng hết sức phức tạp, không dễ chiều. Điều đáng lưu ý khác là dường như Tản Đà đã ý thức được sự cần thiết phải chuyên tâm với nghề văn, phải "trường vốn" để theo đuổi nó dài dài ("Nhờ Trời văn con còn bán được - Chưa biết con in ra mấy mươi", "Vốn liếng còn một bụng văn đó"). Sau cùng, phải thấy rằng Tản Đà đã chớm nhận ra : đa dạng về loại, thể là một

đòi hỏi thiết yếu của hoạt động sáng tác và với những sáng tác mới, tiêu chí đánh giá hẳn nhiên là phải khác xưa,...

Câu hỏi 3

Khi hướng dẫn trả lời câu hỏi này, phải lưu ý HS về cách xưng danh của tác giả. Có thể gợi cho HS nhớ lại những trường hợp xưng danh khá đặc biệt trong thơ thời trung đại để có thêm căn cứ so sánh (Hồ Xuân Hương : "Này của Xuân Hương mới quệt rồi" – *Mời trầu* ; Nguyễn Du : "Bất tri tam bách dư niên hậu - Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như" – *Độc Tiểu Thanh kí* ; Nguyễn Công Trứ : "Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng" – *Bài ca ngất ngưỡng* ;...).

Trong hẳn một khổ thơ (từ câu 65 đến câu 68), tác giả đã "tâu trình" rõ ràng về họ tên, "xuất xứ" của mình cho Trời nghe. Việc xưng danh của Tản Đà đã diễn ra khá tự nhiên, phù hợp hoàn toàn với mạch truyện và đây không phải là hiện tượng chưa từng có trong văn học trung đại hay trong các sinh hoạt văn nghệ dân gian (như hát chèo chẵn hạn). Nhưng dấu ấn Tản Đà trong cung cách xưng danh vẫn thể hiện khá rõ : tách tên, họ theo một kiểu cung khai lí lịch rất hiện đại, lại còn nói rõ bản quán, quốc tịch, châu lục, tên của hành tinh,... Có một nụ cười hóm hỉnh ẩn đằng sau vẻ thật thà, thành khẩn trước "đấng chí tôn", nhưng điều đáng nói hơn hết vẫn là ý thức cá nhân, ý thức dân tộc của nhà thơ. Một cái tên – tên thật chứ không phải *tự* hay *hiệu* – mà được nói ra trịnh trọng đến vậy hẳn nhà thơ phải thấy có một giá trị không thể phủ nhận gắn liền với nó. Hơn nữa, ông còn muốn Trời thấy được Nguyễn Khắc Hiếu chính là con người của Á châu, của xứ sở có một nền "văn minh tinh thần" cao quý, đáng tự hào ("Văn minh Đông Á trời thu sạch"). Cụ thể thêm một mức nữa, ông kiêu hãnh khai mình là đứa con *đích thực* của "Sông Đà núi Tản nước Nam Việt". Khi trong thời hiện đại, hai chữ "thiên hạ" đã trở thành một khái niệm mở (điều này Tản Đà ý thức được rất rõ), đặc biệt là khi đất nước đã mất chủ quyền, kiểu nói như vậy của nhà thơ rõ ràng chứa đựng một thái độ tự tôn dân tộc, một "tình cảm non nước" đáng quý. Cũng qua câu thơ, tác giả đã ngầm cho biết lai lịch của bút hiệu Tản Đà – một điều đã từng được ông thể hiện trong nhiều bài thơ khác.

Câu hỏi 4

Câu hỏi này muốn HS chú ý sâu vào chỗ tinh tế trong nghệ thuật thơ Tản Đà. Khi hướng dẫn HS trả lời, cần gợi ý cụ thể : tính chất bình dân trong lối kể chuyện cũng như giọng khôi hài đã được biểu hiện ra sao trong cách dùng từ, trong kiểu

đặc tả những biểu hiện cảm xúc của nhân vật, trong lối pha trộn các "chất liệu thơ" vốn không cùng "đẳng cấp" (theo ý thức văn học của thời trung đại),...

Lối kể chuyện đầy tính chất bình dân và giọng khôi hài trong bài thơ (cụ thể là trong hai đoạn thơ này) hoàn toàn thống nhất với nhau, hỗ trợ cho nhau. Chúng lộ rõ trước hết ở thái độ hào hứng của người kể trước một đối tượng nghe chuyện (giả định) đồng đẳng, rất mực thân tình. Ngay trong chuyện kể, quan hệ giữa nhân vật trữ tình và chư tiên xem ra cũng suông sã, thân mật (chư tiên gọi nhân vật trữ tình là *anh*). Từ dùng ở đây nôm na, bình dị, như được tiện tay lấy từ đời sống thường nhật, lại được đặt trong ngữ điệu nói, nên càng có ý vị: "Vãn dài hơi tốt *ran* cung mây!", "Vãn đã giàu thay, lại *lắm* lối - Trời nghe Trời cũng *bật buồn cười*", "Chư tiên ao ước *tranh nhau* dận",... Đặc biệt, dưới ngòi bút của tác giả, Trời và chư tiên không có một chút gì đạo mạo. Họ biểu hiện cảm xúc theo một cung cách rất đời... bình dân: *lè lưỡi, chau mày, lắng tai đứng, vỗ tay, bật buồn cười, tranh nhau dận*,... Cứ tưởng tượng hình ảnh các đấng siêu nhiên vốn không thuộc cõi người mà có những cử chỉ, điệu bộ ngộ nghĩnh như thế, độc giả không thể không cảm thấy buồn cười, không thể không phục cách kể chuyện "xôm trò" của tác giả.

Giả sử bị tước đi lối kể "bình dân" và nụ cười hóm hình, các đoạn thơ trên (rộng ra là cả bài thơ) sẽ mất đi một ý vị thẩm mỹ đặc trưng, bởi sự hấp dẫn của tác phẩm văn học nói chung không hẳn nằm ở *chuyện* mà ở *cách kể, giọng kể*. Hơn thế, trong bài thơ này, lối kể ấy, nụ cười ấy làm nên *nội dung trữ tình* chính, giúp ta hiểu về con người tác giả hơn bất cứ cái gì khác. Nói tóm lại, những yếu tố vừa nêu là một phần tất yếu của bài thơ, hoàn toàn xứng hợp với câu chuyện "hầu Trời" mà tác giả đã hư cấu. Như vậy, để cảm nhận đúng cái "thần" của bài thơ, điều quan trọng trước hết chưa phải là "nhám nháp" từ tốn từng câu thơ một, tróc tìm "ý nghĩa" trong mỗi lời nói của nhân vật trữ tình, mà là việc xác định một tâm thế sẵn sàng tham dự vào "cuộc chơi" do tác giả đề nghị, chia sẻ tiếng cười của tác giả trên một tinh thần dân chủ.

Câu hỏi 5

Đây là câu hỏi yêu cầu đánh giá khái quát về giá trị của bài thơ, chốt lại trong nhận thức của HS những điều đã được nêu ở phần *Kết quả cần đạt* (SGK). Cần khẳng định: *Hầu Trời* là bài thơ hay, độc đáo, có nhiều nét mới về mặt thi pháp, rất tiêu biểu cho tính chất "giao thời" trong nghệ thuật thơ Tản Đà.

Qua bài thơ, có thể nhận ra được nhiều điều về xu hướng phát triển của thơ Việt Nam trong những năm hai mươi của thế kỉ trước.

3. Phân củng cố

– Cần xem việc trả lời Câu hỏi 5 trong SGK như là một phần của "công đoạn" tổng kết tiết học. GV thu tóm những ý kiến của HS, sắp xếp lại và diễn đạt bằng một hình thức cô đọng.

– Khuyến khích HS (nhất là HS khá) tìm trong các bài thơ khác của Tản Đà những câu thơ, ý thơ gần gũi với những câu, những ý có ở bài *Hầu Trời*.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Khái niệm "ngông" trong nghiên cứu văn học thường được dùng để chỉ định một kiểu ứng xử xã hội và nghệ thuật khác thói thường của những nhà văn, nhà thơ có ý thức cá nhân cao độ. Tất nhiên, ý thức cá nhân ấy cũng chỉ được phát triển mạnh mẽ trong những điều kiện xã hội nhất định, gắn liền với tổng thể những quan niệm khá mới mẻ (trong khuôn khổ thời trung đại) về vũ trụ, nhân sinh và nghệ thuật. Tản Đà không phải là một trường hợp "ngông" cá biệt trong văn học Việt Nam. Trước ông, những người như Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát,... đều "ngông". Tuy nhiên, cái "ngông" của Tản Đà vẫn có những điểm đặc thù do sự quy định của thời đại.

Trong bài *Hầu Trời*, cái "ngông" của Tản Đà có những biểu hiện nổi bật :

- Tự cho mình "văn hay" đến mức Trời cũng phải tán thưởng.
- Không thấy có ai đáng là kẻ tri âm với mình ngoài Trời và chư tiên.
- Xem mình là một "trích tiên" bị "đày xuống hạ giới vì tội ngông".
- Nhận mình là người nhà Trời, được sai xuống hạ giới thực hiện một sứ mệnh cao cả (thực hành "thiên lương").

Ngoài ra, nguyên việc nhà thơ bịa ra chuyện "hầu Trời", nói như thế đó là chuyện thật đã hàm chứa một sự khiêu khích nhất định đối với cái nhìn đầy thành kiến về thang bậc giá trị của con người trong xã hội. Đó là chưa kể việc Tản Đà "dám" hình dung các đấng siêu nhiên như những đối tượng rất đỗi bình dân, thậm chí ngang hàng với mình,...

Cái "ngông" của Tản Đà có nhiều điểm gặp lại cái "ngông" của Nguyễn Công Trứ (thể hiện qua *Bài ca ngất ngưởng*) : ý thức rất cao về tài năng của bản thân ; dám nói giọng bông lơn về những đối tượng như Trời, Tiên, Bụt ; dám phô bày toàn bộ con người "vượt ngoài khuôn khổ" của mình trước thiên hạ, như muốn "giỡn mặt" thiên hạ,...

Nói về điểm khác giữa hai người, có thể thấy : "ngông" ở Tản Đà là cái "ngông" của kẻ tuy không phải sống vô trách nhiệm với xã hội nhưng không còn xem vấn đề "Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung" (Nguyễn Công Trứ) là chuyện hệ trọng nữa. Hơn nữa, cái tài mà Tản Đà muốn khoe về cơ bản là cái tài thuộc phạm trù văn chương. Rõ ràng ở đây nhà thơ đã rũ bỏ được khá nhiều gánh nặng trách nhiệm (mà thông thường các nhà nho vẫn đặt trên vai mình) để sống thoải mái hơn với cái tự do cá nhân mới mẻ mà thời đại đưa tới.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Trần Đình Hượu – Lê Chí Dũng, *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 - 1930*, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, H., 1988.

– Lê Thanh, *Mộng và mộng*, in trong *Tản Đà – Về tác gia và tác phẩm*, Trịnh Bá Đĩnh – Nguyễn Đức Mậu tuyển chọn và giới thiệu, NXB Giáo dục, 2000.

– Xuân Diệu, *Lời giới thiệu*, in trong *Tuyển tập Tản Đà*, NXB Văn học, H., 1986.